

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38 /2019/HS-ST
Ngày 30-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Tấn

2. Ông Trần Văn Bể

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30-5-2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn D, sinh năm 1969

Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Y (Đã chết) và bà Nguyễn Thị G; có vợ Đào Thị Đ và 03 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 04/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Đình Ch (tên gọi khác Tr), sinh năm 1976.

Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Th và bà Trần Thị C (Đã chết); có vợ Ngô Thị S và 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/6/2006, bị Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo về tội “Đánh

bạc”; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 04/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

3. Đào Văn Th, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn Ph và bà Nguyễn Thị S; có vợ Dương Thị Y và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 04/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Văn H, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc Th và bà Nguyễn Thị H; có vợ Trần Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 03/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Đức H, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 03/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

6. Ngô Văn T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị H; có vợ Nguyễn Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 03/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

7. Trần Văn N, Sinh năm 1985

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Đặng Thị T; có vợ

Nguyễn Thị D và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 04/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

8. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (Đã chết) và bà Tô Thị B; có vợ Trần Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/02/2006 bị Công an huyện H, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, ngày 30/5/2012 bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 03/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

9. Vũ Văn Kh, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn K (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ Đặng Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/8/2012 bị Công an huyện H, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, ngày 23/6/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 03/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

10. Nguyễn Văn T, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ngh; có vợ Nguyễn Thị Th và 03 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/4/2008 bị Công an huyện H, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 03/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

11. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị B; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/10/2012 bị Công an huyện H, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 03/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

12. Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị T; có vợ Nguyễn Thị Mỹ A và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 03/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

13. Tạ Văn Th, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn T (Đã chết) và bà Vũ Thị Y (Đã chết); có vợ Hà Thị Th Hải và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 03/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

14. Ngô Văn D, sinh năm 1973

Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn B và bà Đào Thị C; có vợ Tạ Thị Th và 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 03/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

Những người làm chứng:

1. Anh Trần Duy Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Trú tại: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình;

2. Ông Ngô Văn Ph, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Trú tại: khu Ch, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

3. Chị Đào Thị Đ, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Trú tại: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ ngày 01/02/2019 Nguyễn Đình Ch, Đào Văn Th, Vũ Văn Kh, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn T đến nhà Vũ Văn D chơi. Tại đây, những người trên rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức “Xóc đĩa” và hỏi Vũ Văn D mượn nhà để đánh bạc, D đồng ý. Những người trên đi xuống gian bếp của gia đình D, lấy bát đĩa sứ có sẵn ở gian bếp, Đào Văn Th dùng chiếc kéo sắt cắt 04 quân vị hình tròn từ quân bài tú lơ khơ để đánh bạc. Những người chơi quy định mức đánh thấp nhất là 50.000 đồng/01 ván, cao hơn thì tùy người chơi, trong quá trình đánh bạc, Nguyễn Đình Ch là người cầm cái. Chơi được khoảng 03 đến 04 ván thì Nguyễn Văn H1, Ngô Văn D, Trần Văn N, Tạ Văn Th, Nguyễn Đức H, Ngô Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Xuân Tr đến và cùng tham gia đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, Ch thu từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng của những người đánh bạc (tiền hồ), được tổng số tiền 1.800.000 đồng, sau đó đưa cho T, T cầm tiền đưa cho D, D biết đây là tiền được hưởng lợi từ việc cho những người đánh bạc tại nhà mình. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Công an huyện H phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng và tài sản thu giữ gồm: Thu trên chiếu bạc số tiền 9.750.000 đồng, 01 chiếc bát bằng sứ, 01 chiếc đĩa bằng sứ, 01 chiếc kéo bằng sắt, 01 chiếc chiếu nhựa, 04 quân vị hình tròn. Quản lý trên người các đối tượng số tiền là 22.000.000 đồng. Trong đó số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 19.050.000 đồng, cụ thể: Nguyễn Văn H 3.160.000 đồng, Nguyễn Đức H 3.280.000 đồng, Ngô Văn T 2.400.000 đồng, Trần Văn N 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn Th 1.800.000 đồng, Vũ Văn Kh 3.150.000 đồng, Nguyễn Văn T 1.100.000 đồng, Nguyễn Xuân Tr 1.000.000 đồng và Ngô Văn D 160.000 đồng, quản lý của Vũ Văn D 1.800.000 đồng là số tiền bị cáo thu tiền hồ; quản lý của Tạ Văn Th 1.150.000 đồng, bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc.

Bản cáo trạng số 41/CT-VKSHH ngày 13-5-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Vũ Văn D về tội “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự (viết tắt BLHS); Các bị cáo Nguyễn Đình Ch, Đào Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H, Ngô Văn T, Trần Văn N, Nguyễn Văn Th, Vũ Văn Kh, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Xuân Tr, Tạ Văn Th và Ngô Văn D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa: Bị cáo Vũ Văn D khai nhận, tối ngày 01/02/2019 bị cáo có cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình như nội dung đã nêu ở trên, bị cáo có thu được 1.800.000 đồng tiền “hồ” do những người tham gia đánh bạc nộp, bị cáo không tham gia đánh bạc.

Các bị cáo Nguyễn Đình Ch, Đào Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H, Ngô Văn T, Trần Văn N, Nguyễn Văn Th, Vũ Văn Kh, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Xuân Tr, Tạ Văn Th và Ngô Văn D đều khai nhận, vào tối ngày 01-02-2019 các bị cáo có đến nhà Vũ Văn D chơi, sau đó các bị cáo đã cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “xóc đĩa” tại nhà Vũ Văn D như nội dung đã nêu ở trên. Nguyễn Đình Ch mang theo 2.900.000 đồng sử dụng đánh bạc, nộp tiền hồ 200.000 đồng quá trình đánh ván thắng, ván thua, khi bị bắt quả tang đã vớt hết tiền xuống chiếu; Đào Văn Th không mang theo tiền, được Tạ Văn Th trả số tiền 8.000.000 đồng vay từ trước, sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc, nộp tiền hồ 200.000 đồng, quá trình đánh thua 100.000 đồng sau đó không tham gia đánh bạc nữa, số tiền 7.700.000 đồng không sử dụng đánh bạc đã bị rơi khi bắt quả tang; Nguyễn Văn H mang theo 3.400.000 đồng sử dụng đánh bạc, nộp tiền hồ 100.000 đồng, quá trình đánh ván thắng, ván thua, khi bị bắt Công an huyện H quản lý 3.160.000 đồng; Nguyễn Đức H mang theo 3.280.000 đồng sử dụng đánh bạc, nộp tiền hồ 200.000 đồng quá trình đánh ván thắng, ván thua, khi bị bắt Công an huyện H quản lý 3.280.000 đồng; Ngô Văn T mang theo 2.500.000 đồng sử dụng đánh bạc, nộp tiền hồ 100.000 đồng, quá trình đánh ván thắng, ván thua, khi bị bắt Công an huyện H quản lý 2.400.000 đồng; Trần Văn N mang theo 2.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, quá trình đánh thắng 1.000.000 đồng, khi bị bắt Công an huyện H quản lý 3.000.000 đồng; Nguyễn Văn Th mang theo 1.850.000 đồng sử dụng đánh bạc, quá trình đánh không rõ thắng thua khi bị bắt Công an huyện H quản lý 1.800.000 đồng; Vũ Văn Kh mang theo 1.600.000 đồng sử dụng đánh bạc, nộp tiền hồ 100.000 đồng, quá trình đánh thắng, khi bị bắt Công an huyện H quản lý 3.150.000 đồng; Nguyễn Văn T mang theo 1.500.000 đồng sử dụng đánh bạc, quá trình đánh thua, khi bị bắt Công an huyện H quản lý 1.100.000 đồng; Nguyễn Văn H1 mang 1.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, nộp tiền hồ 200.000 đồng, quá trình đánh thua hết số tiền; Nguyễn Xuân Tr mang theo 600.000 đồng sử dụng đánh bạc, quá trình đánh thắng 400.000 đồng, khi bị bắt Công an huyện H quản lý 1.000.000 đồng; Tạ Văn Th mang theo 9.150.000 đồng, trả Đào Văn Th 8.000.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc (Th khai được một người không quen biết đưa cho 200.000 đồng), quá trình đánh ván thắng, ván thua, chơi được vài ván thì không chơi nữa, khi bị bắt bị Công an huyện H quản lý 1.150.000 đồng (số tiền này bị cáo Th không sử dụng đánh bạc); Ngô Văn D mang theo 160.000 đồng sử dụng đánh bạc, quá trình đánh ván thắng, ván thua, khi bị bắt Công an huyện H quản lý 160.000 đồng.

Tại phiên tòa, không phát sinh tình tiết mới, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn D phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo Nguyễn Đình Ch, Đào Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H, Ngô Văn T, Trần Văn N, Nguyễn Văn Th, Vũ Văn Kh, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Xuân Tr, Tạ Văn Th và Ngô Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của BLHS. Xử phạt bị cáo Vũ Văn D từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo D từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Ch từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo Ch từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của BLHS. Xử phạt bị cáo Đào Văn Th từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của BLHS. Xử phạt bị cáo Vũ Văn Kh từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo Kh từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với bị cáo Th từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của BLHS. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H1 mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung đối với mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 36 của BLHS. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức H và Tạ Văn Th mỗi bị cáo từ 06 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian các bị cáo bị tạm giữ là 02 ngày bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo H và Th.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 36 của BLHS. Xử phạt các bị cáo Ngô Văn D và Trần Văn N mỗi bị cáo từ 06 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo D được trừ đi thời gian bị tạm giữ là 02 ngày bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo N được trừ đi thời gian bị tạm giữ là 03 ngày bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo N và D.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của BLHS. Xử phạt các bị cáo Ngô Văn T và Nguyễn Xuân Tr mỗi bị cáo từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 chiếc bát bằng sứ, 01 chiếc đĩa bằng sứ, 01 chiếc kéo bằng sắt, 01 chiếc chiếu nhựa, 04 quân vị hình tròn.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền là 30.600.000 đồng (*Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng*), trong đó: số tiền thu trên chiếu bạc là 9.750.000 đồng, số tiền quản lý trên người các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 19.050.000 đồng và số tiền thu lời bất chính của bị cáo D là 1.800.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Tạ Văn Th số tiền 1.150.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện H, tỉnh Thái Bình lập hồi 22 giờ 30 phút ngày 01/02/2019 tại nhà ở của Vũ Văn D, (Bút lục từ số 06 đến số 11); Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (Bút lục số 12, 13); Biên bản ghi lời khai của người làm chứng: anh Trần Duy Đ, ông Ngô Văn Ph và chị Đào Thị Đ (Bút lục từ số 695 đến số 710). Như vậy có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 20 giờ ngày 01/02/2019, các bị cáo Nguyễn Đình Ch, Đào Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H, Ngô Văn T, Trần Văn N, Nguyễn Văn Th, Vũ Văn Kh, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Xuân Tr, Tạ Văn Th và Ngô Văn D đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “xóc đĩa” tại nhà ở của Vũ Văn D tại thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 28.800.000 đồng, trong đó số tiền thu trên chiếu bạc là 9.750.000 đồng, số tiền quản lý trên người các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 19.050.000 đồng gồm: Nguyễn Văn H 3.160.000 đồng, Nguyễn Đức H 3.280.000 đồng, Ngô Văn T 2.400.000 đồng, Trần Văn N 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn Th 1.800.000 đồng, Vũ Văn Kh 3.150.000 đồng, Nguyễn Văn T 1.100.000 đồng, Nguyễn Xuân Tr 1.000.000 đồng và Ngô Văn D 160.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS. Bị cáo D cho 13 người đánh bạc tại nhà mình và đã thu 1.800.000 đồng tiền “hồ”, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 của BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 321: Tội đánh bạc

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Điều 322: Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc

“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

c)

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì mục đích tư lợi trái pháp luật, các bị cáo đã có hành vi xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trị an tại địa phương. Về hành vi “đánh bạc” có sự đồng phạm, bị cáo Ch là người cầm cái xóc đĩa từ đầu đến khi bị bắt và bị cáo Th cất quân vị nên mức độ tham gia phạm tội của hai bị cáo là cao nhất; tiếp theo là các bị cáo Kh, Th và T là những bị cáo rủ nhau đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt; cuối cùng là các bị cáo H, H, Th, N, D, T, H1 và Tr mức độ tham gia phạm tội thấp hơn do các bị cáo có thời gian tham gia đánh bạc ít hơn.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Th, Th, H, H, T, N, T, H1, Tr, Th và D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D có bố để được Nhà nước tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất và hạng ba; bị cáo Ch có bố để được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến, bị cáo Kh có bố để được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Th có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; bị cáo H có bố để là bệnh binh và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba; bị cáo D có bố để được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo N có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS. Các bị cáo Ch và Kh năm 2006 đã bị kết án về tội “đánh bạc”, nhưng đến khi thực hiện hành vi phạm tội

lần này đã được đương nhiên xóa án tích, các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng.

[5] Từ những nhận xét trên, xét thấy đối với các bị cáo D, Ch, Th, Kh, Th, T và H1 cần áp dụng hình phạt tù, nhưng cho các bị cáo hưởng án treo; đối với bị cáo H, D, N và Th cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; đối với các bị cáo T, H và Tr chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Căn cứ vào đơn đề nghị của các bị cáo H, D, N và Th (đơn có xác nhận của UBND xã) thì các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phải nuôi con nhỏ, bố mẹ già ốm đau; là lao động chính trong gia đình, thu nhập hàng tháng không ổn định. Vì vậy cần miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị H, D, N và Th. Cần phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo D, Ch, Th, Kh, Th, T và H1.

[6] Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc bát bằng sứ, 01 chiếc đĩa bằng sứ, 01 chiếc kéo bằng sắt, 01 chiếc chiếu nhựa, 04 quân vị hình tròn là những công cụ được các đối tượng dùng vào việc phạm tội, không có giá trị, cần tịch thu để tiêu hủy. Tổng số tiền quản lý trên chiếu bạc, quản lý trên người các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc và tiền bị cáo D thu lời bất chính là 30.600.000 đồng (*Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng*) cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền 1.150.000 đồng quản lý của bị cáo Th, bị cáo không sử dụng số tiền này vào việc đánh bạc, là tài sản của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo Th.

[7] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn D phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo Nguyễn Đình Ch, Đào Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H, Ngô Văn T, Trần Văn N, Nguyễn Văn Th, Vũ Văn Kh, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Xuân Tr, Tạ Văn Th và Ngô Văn D phạm tội “Đánh bạc”

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 01 (một) năm 03(ba) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo D 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Ch (Trọng) 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Ch 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Văn Th 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Th 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn Kh 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Kh 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Th 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo H1 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo Vũ Văn D, Nguyễn Đình Ch, Đào Văn Th, Nguyễn Văn Th, Vũ Văn Kh và Nguyễn Văn T cho UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ là 02 ngày bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H.

Giao bị cáo Nguyễn Đức H cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ

+ Xử phạt bị cáo Tạ Văn Th 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ là 02 ngày bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Th.

Giao bị cáo Tạ Văn Th cho UBND xã Thống Nhất, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ là 03 ngày bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N.

+ Xử phạt bị cáo Ngô Văn D 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ là 02 ngày bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo D.

Giao bị cáo Ngô Văn D và Trần Văn N cho UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Tr 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 chiếc bát bằng sứ, 01 chiếc đĩa bằng sứ, 01 chiếc kéo bằng sắt, 01 chiếc chiếu nhựa, 04 quân vị hình tròn.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền là 30.600.000 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó: số tiền thu trên chiếu bạc là 9.750.000 đồng, số tiền quản lý của Vũ Văn D 1.800.000 đồng, số tiền quản lý của Nguyễn Văn H 3.160.000 đồng, số tiền quản lý của Nguyễn Đức H 3.280.000 đồng, số tiền quản lý của Ngô Văn T 2.400.000 đồng, số tiền quản lý của Trần Văn N 3.000.000 đồng, số tiền quản lý của Nguyễn Văn Th 1.800.000 đồng, số tiền quản

lý của Vũ Văn Kh 3.150.000 đồng, số tiền quản lý của Nguyễn Văn T 1.100.000 đồng, số tiền quản lý của Nguyễn Xuân Tr 1.000.000 đồng và số tiền quản lý của Ngô Văn D 160.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Tạ Văn Th số tiền 1.150.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (Toàn bộ vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15-5 -2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H)

3. Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn D, Nguyễn Đình Ch, Đào Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H, Ngô Văn T, Trần Văn N, Nguyễn Văn Th, Vũ Văn Kh, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Xuân Tr, Tạ Văn Th và Ngô Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Nhàn

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hưng Hà, ngày 28 tháng 5 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 15 ngày 28 tháng 5 năm 2019

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trần Thị Nhàn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Văn Tấn và ông Trần Văn Bể.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2019/TLST-HS ngày 15-5-2019 đối với các bị cáo:

1. **Vũ Văn D**, sinh năm 1969

Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình;

2. **Nguyễn Đình Ch** (tên gọi khác Trọng), sinh năm 1976.

Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình;

3. **Đào Văn Th**, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình;

4. **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình;

5. **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình;

6. **Ngô Văn T**, sinh năm 1985

Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình;

7. **Trần Văn N**, Sinh năm 1985

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình;

8. **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình;

9. **Vũ Văn Kh**, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình;

10. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình;

11. **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình;

12. **Nguyễn Xuân Tr**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình;

13. **Tạ Văn Th**, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: thôn Đa Phú, xã Thống Nhất, huyện H, tỉnh Thái Bình;

14. **Ngô Văn D**, sinh năm 1973

Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ vào các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn D phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo Nguyễn Đình Ch, Đào Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H, Ngô Văn T, Trần Văn N, Nguyễn Văn Th, Vũ Văn Kh, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Xuân Tr, Tạ Văn Th và Ngô Văn D phạm tội “Đánh bạc”

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 01 (một) năm 03(ba) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Diên 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Ch (Trọng) 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Chung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Văn Th 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Thái 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn Kh 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Khải 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Thọ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Tuấn 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bị cáo Hòa 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo Vũ Văn D, Nguyễn Đình Ch, Đào Văn Th, Nguyễn Văn Th, Vũ Văn Kh và Nguyễn Văn T cho UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ là 02 ngày bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Hạnh.

Giao bị cáo Nguyễn Đức H cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ

+ Xử phạt bị cáo Tạ Văn Th 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ là 02 ngày bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Thường.

Giao bị cáo Tạ Văn Th cho UBND xã Thống Nhất, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ là 03 ngày bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Niêm.

+ Xử phạt bị cáo Ngô Văn D 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ là 02 ngày bằng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Dóc.

Giao bị cáo Ngô Văn D và Trần Văn N cho UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Tr 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 chiếc bát bằng sứ, 01 chiếc đĩa bằng sứ, 01 chiếc kéo bằng sắt, 01 chiếc chiếu nhựa, 04 quân vị hình tròn.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền là 30.600.000 đồng (*Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng*), trong đó: số tiền thu trên chiếu bạc là 9.750.000 đồng, số tiền quản lý của Vũ Văn D 1.800.000 đồng, số tiền quản lý của Nguyễn Văn H 3.160.000 đồng, số tiền quản lý của Nguyễn Đức H 3.280.000 đồng, số tiền quản lý của Ngô Văn T 2.400.000 đồng, số tiền quản lý của Trần Văn N 3.000.000 đồng, số tiền quản lý của Nguyễn Văn Th 1.800.000 đồng, số tiền quản lý của Vũ Văn Kh 3.150.000 đồng, số tiền quản lý của Nguyễn Văn T 1.100.000 đồng, số tiền quản lý của Nguyễn Xuân Tr 1.000.000 đồng và số tiền quản lý của Ngô Văn D 160.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Tạ Văn Th số tiền 1.150.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (Toàn bộ vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15-5 -2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H)

3. Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn D, Nguyễn Đình Ch, Đào Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức H, Ngô Văn T, Trần Văn N, Nguyễn Văn Th, Vũ Văn Kh, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Xuân Tr, Tạ Văn Th và Ngô Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 28-5-2019

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA